BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ
Ký ngày: 30/3/2022 13:15:05

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Tên tiếng anh:	THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK
Tên viết tắt:	BOT CAU THAI HA.,JSC
Mã chứng khoán:	BOT (UpCom)
Trụ sở chính:	Thôn Phú Vật, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Ngô Tiến Cương	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Đức Ý	Thành viên
Ông	Hoàng Quốc Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Đức Ý	Tổng Giám Đốc
Ông	Trần Xuân Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 19/4/2021)
Bà	Nguyễn Thị Minh Đức	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 19/4/2021)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là Ông Ngô Tiến Cương

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Ngô Tiến Cương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www..aisc.com.vn

Số: A0521029-R/AISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần BOT cầu Thái Hà tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 về khoản lỗ lũy kế 274.257.530.795 đồng. Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2021 là 180.168.690.494 đồng, tổng nợ phải trả là 1.212.617.200.949 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 248.793.326.536 đồng. Doanh thu năm 2021 chỉ đạt 13,25% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát. Các yếu tố trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Branch in Ha Noi: 6th foor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn
Branch in Da Nang: 350 Hai Phong Str., Thanh Khe Dist., Da Nang City Tel: (84.236) 3747 619 Fax: (84.236) 3747 620 Email: danang@aisc.com.vn
Rep. Office in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien Str., Ninh Kieu Dist., Can Tho City Tel: (84.28) 3832 9129 Fax: (84.28) 3834 2957 Email: cantho@aisc.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,…Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 90,63 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Hà Nội , ngày 29 tháng 03 năm 2022

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM ("AISC")

GIÁM ĐỐC	**KIỂM TOÁN VIÊN**
PHẠM XUÂN SƠN	**NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**
Số Giấy CNĐKHNKT: 1450-2019-005-1	*Số Giấy CNĐKHNKT: 4945-2019-005-1*
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp	*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**172.168.690.494**	**106.445.705.507**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**1.105.246.192**	**3.684.139.473**
1. Tiền	111		1.105.246.192	3.684.139.473
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**80.429.492.079**	**7.792.997.474**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	78.499.380.185	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.342.203.574	4.623.104.310
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.169.893.164	3.169.893.164
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.581.984.844)	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**90.633.952.223**	**94.968.568.560**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.633.952.223	94.968.568.560
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.350.658.979.660**	**1.365.122.582.204**
I. Tài sản cố định	**220**		**1.350.658.979.660**	**1.365.122.582.204**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.350.658.979.660	1.365.122.582.204
- Nguyên giá	*222*		*1.375.425.634.893*	*1.381.314.802.070*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(24.766.655.233)*	*(16.192.219.866)*
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.522.827.670.154**	**1.471.568.287.711**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.204.617.200.949**	**1.072.251.058.596**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**240.793.326.536**	**82.227.184.183**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.6	72.170.928.587	15.983.844.458
2. Phải trả người lao động	314		122.608.394	181.881.954
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.8	90.101.716.309	21.965.452.057
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	-	5.714
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	75.838.073.246	42.416.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.560.000.000	1.680.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**963.823.874.413**	**990.023.874.413**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	958.423.874.413	986.423.874.413
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		5.400.000.000	3.600.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**318.210.469.205**	**399.317.229.115**
II. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**318.210.469.205**	**399.317.229.115**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.468.000.000	592.468.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.468.000.000	592.468.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(274.257.530.795)	(193.150.770.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(193.150.770.885)	(96.717.560.068)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(81.106.759.910)	(96.433.210.817)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.522.827.670.154**	**1.471.568.287.711**

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Minh Đức	Nguyễn Thị Minh Đức	Ngô Tiến Cương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114.850.163.804	25.694.359.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.850.163.804	25.694.359.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.374.652.572	12.897.166.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**29.475.511.232**	**12.797.192.714**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	762.288	646.785
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	102.915.149.222	108.136.744.849
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*102.915.149.222*	*108.136.744.849*
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.482.331.163	1.094.305.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**(80.921.206.865)**	**(96.433.210.817)**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	185.553.045	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(185.553.045)**	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(81.106.759.910)**	**(96.433.210.817)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**(81.106.759.910)**	**(96.433.210.817)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**(1.547)**	**(1.987)**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.9**	**(1.547)**	**(1.987)**

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Minh Đức	Nguyễn Thị Minh Đức	Ngô Tiến Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		45.175.727.273	28.377.502.480
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.618.649.723)	(34.015.107.549)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.664.807.376)	(1.997.354.168)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(34.752.376.237)	(88.398.111.819)
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(141.622.752)	(172.314.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(8.001.728.815)**	**(96.205.385.335)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		762.288	646.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**762.288**	**646.785**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	107.468.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		41.266.505.000	77.316.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(35.844.431.754)	(85.738.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**5.422.073.246**	**99.046.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(2.578.893.281)**	**2.841.261.450**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**3.684.139.473**	**842.878.023**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**1.105.246.192**	**3.684.139.473**

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Minh Đức	Nguyễn Thị Minh Đức	Ngô Tiến Cương

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Phá vỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng dường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;

Tên tiếng anh:	THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK
Tên viết tắt:	BOT CAU THAI HA.,JSC
Mã chứng khoán:	BOT (UpCom)

Trụ sở chính: Thôn Phú Vật, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 30 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 32 nhân viên)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty là Cầu Thái Hà, được đầu tư theo hợp đồng BOT. Từ năm 2020, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án theo quy định tại thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Cầu đường	*16 năm 07 tháng*

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

5. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	**1.105.246.192**	**3.684.139.473**
Tiền mặt	1.096.705.803	3.545.992.639
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.540.389	138.146.834
Cộng	**1.105.246.192**	**3.684.139.473**

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**78.499.380.185**	-	-	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	78.499.380.185	-	-	-
Cộng	**78.499.380.185**	-	-	-
Phải thu các bên liên quan				
(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	**78.499.380.185**	-	-	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**5.342.203.574**	**(3.412.091.680)**	**4.623.104.310**	-
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Hưng Hà	612.091.680	(612.091.680)	612.091.680	-
Công ty TNHH Kiểm toán RSM	1.045.454.454	-	1.045.454.454	-
Các nhà cung cấp khác	1.184.657.440	(300.000.000)	465.558.176	-
Cộng	**5.342.203.574**	**(3.412.091.680)**	**4.623.104.310**	-

4. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**3.169.893.164**	**(3.169.893.164)**	**3.169.893.164**	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	2.642.445.621	(2.642.445.621)	2.642.445.621	-
Ủy ban nhân dân xã Tiến Đức	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Hà Nội	174.428.180	(174.428.180)	174.428.180	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bản Thái	137.963.980	(137.963.980)	137.963.980	-
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	14.954.042	(14.954.042)	14.954.042	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển kinh doanh Vượng phát	101.341	(101.341)	101.341	-
Cộng	**3.169.893.164**	**(3.169.893.164)**	**3.169.893.164**	-
Phải thu các bên liên quan				
(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	**2.642.445.621**	-	**2.642.445.621**	-

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Giảm khác	*(5.889.167.177)*	**(5.889.167.177)**
Số dư cuối năm	**1.375.425.634.893**	**1.375.425.634.893**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	16.192.219.866	16.192.219.866
Khấu hao trong năm	*8.574.435.367*	*8.574.435.367*
Số dư cuối năm	**24.766.655.233**	**24.766.655.233**
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.365.122.582.204	1.365.122.582.204
Số dư cuối năm	**1.350.658.979.660**	**1.350.658.979.660**

(*) Tài sản cố định hữu hình là giá trị công trình cầu Thái Hà được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Hiện tại dự án đã thi công xong và đưa vào khai thác sử dụng. Do đó chi phí hợp lý của dự án phụ thuộc vào kết quả phê duyệt giá trị quyết toán dự án của các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(**) Điều chỉnh giảm trong kỳ theo hồ sơ quyết toán với các nhà thầu, cụ thể:

- Gói thầu xây lắp 02 Thi công xây dựng kết cấu phần trên cầu chính (Km4+ 135 -Km4 +639,279) và 02 trụ T33, T34 thuộc kết cấu phần dưới cầu chính Nhà thầu thi công: Liên danh Cầu 14 - Cầu 11; số tiền: 3.865.347.700 đồng
- Gói thầu xây lắp 05 Thi công xây dựng đường dẫn phía Hà Nam (KM0+00-KM2+873,604) Nhà thầu thi công: Liên danh 16CIENCO1 và Bình Minh (nay là Thành Đạt - Bình Minh); số tiền: 1.458.801.600 đồng
- Gói thầu xây lắp 07 Thi công xây dựng, lắp đặt điện chiếu sáng cầu chính và 2 cầu dẫn Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tiến Đại Phát, số tiền: 565.017.877 đồng

6. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**72.170.928.587**	**72.170.928.587**	**15.983.844.458**	**15.983.844.458**
Công ty TNHH Lâm Nam	35.259.858.491	35.259.858.491	-	-
Công ty TNHH Thuong mai Doanh Hiên	9.336.437.770	9.336.437.770	-	-
Công ty TNHH MD Phúc An Hung	9.281.253.553	9.281.253.553	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh và vật liệu xây dựng Tiến Dũng	7.554.972.117	7.554.972.117	-	-
Công ty Cổ phần cầu 14 - CIENCO 1	4.868.020.650	4.868.020.650	5.974.897.650	5.974.897.650
Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	-	-	2.435.060.700	2.435.060.700
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	179.289.727	179.289.727	744.307.604	744.307.604
Các đối tượng khác	2.168.766.000	2.168.766.000	3.307.248.225	3.307.248.225
Cộng	**72.170.928.587**	**72.170.928.587**	**15.983.844.458**	**15.983.844.458**
Phải trả các bên liên quan				
(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	**179.289.727**	**179.289.727**	**744.307.604**	**744.307.604**

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	11.485.016.381	11.485.016.381	-
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.542.637	3.542.637	-
Cộng	**-**	**11.491.559.018**	**11.491.559.018**	**-**

8. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	**90.101.716.309**	**21.965.452.057**
Trích trước chi phí lãi vay	90.101.716.309	21.938.943.324
Chi phí tiền điện		26.508.733
Cộng	**90.101.716.309**	**21.991.960.790**

9. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.714
Cộng	**-**	**5.714**

10. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**75.838.073.246**	**75.838.073.246**	**69.266.505.000**	**35.844.431.754**	**42.416.000.000**	**42.416.000.000**
Vay ngắn hạn	**75.838.073.246**	**75.838.073.246**	**69.266.505.000**	**35.844.431.754**	**42.416.000.000**	**42.416.000.000**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	37.838.073.246	37.838.073.246	41.266.505.000	25.844.431.754	22.416.000.000	22.416.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	**38.000.000.000**	**38.000.000.000**	**28.000.000.000**	**10.000.000.000**	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	*38.000.000.000*	*38.000.000.000*	*28.000.000.000*	*10.000.000.000*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**958.423.874.413**	**958.423.874.413**	-	**28.000.000.000**	**986.423.874.413**	**986.423.874.413**
Vay dài hạn	**958.423.874.413**	**958.423.874.413**	-	**28.000.000.000**	**986.423.874.413**	**986.423.874.413**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	958.423.874.413	958.423.874.413	-	28.000.000.000	986.423.874.413	986.423.874.413
Cộng	**1.034.261.947.659**	**1.034.261.947.659**	**69.266.505.000**	**63.844.431.754**	**1.028.839.874.413**	**1.028.839.874.413**

c. Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan

Chỉ tiêu	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Công ty	**37.838.073.246**	**37.838.073.246**	**41.266.505.000**	**25.844.431.754**	**22.416.000.000**	**22.416.000.000**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	37.838.073.246	37.838.073.246	41.266.505.000	25.844.431.754	22.416.000.000	22.416.000.000
Cộng	**37.838.073.246**	**37.838.073.246**	**41.266.505.000**	**25.844.431.754**	**22.416.000.000**	**22.416.000.000**

(*) Khoản vay của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng số 0106/2015/HĐVT/TĐP-BOTTH ngày 01/06/2015; Phụ lục hợp đồng số 1806/2019/PLHĐ/TĐP-BOTTH ngày 18/06/2019; Phụ lục hợp đồng số 1612/2019/PLHĐ/-BOTTH ngày 16/12/2019 thỏa thuận số tiền vay tối đa 150 tỷ đồng, số tiền vay cụ thể từng lần theo đề nghị, lãi suất 0%, mục đích chủ yếu để trả nợ lãi vay và một phần nợ gốc vay cho ngân hàng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2015-HDDTDDDDA/NHCT-BOT THAIHA ngày 31 tháng 03 năm 2015; Phụ lục hợp đồng số 01/2019-HĐCV-SBDDS02/NHCT384-BOT THAIHA ngày 01/12/2019. Ngân hàng cam kết cho Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà vay với tổng giá trị không vượt quá 1.223.904.000.000 đồng, thời hạn vay là 161 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam, được ghi trên từng giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình - Hà Nam, với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn 1 theo hình thức Hợp đồng BOT.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**485.000.000.000**	**(96.717.560.068)**	**388.282.439.932**
Tăng vốn	107.468.000.000	-	**107.468.000.000**
Lợi nhuận	-	(96.433.210.817)	**(96.433.210.817)**
Số dư cuối năm trước	**592.468.000.000**	**(193.150.770.885)**	**399.317.229.115**
Số dư đầu năm nay	**592.468.000.000**	**(193.150.770.885)**	**399.317.229.115**
Lợi nhuận	-	(81.106.759.910)	**(81.106.759.910)**
Số dư cuối năm nay	**592.468.000.000**	**(274.257.530.795)**	**318.210.469.205**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Tỷ lệ vốn góp**	**31/12/2021**	**01/01/2021**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	40%	238.258.000.000	238.258.000.000
Các cổ đông khác	60%	354.210.000.000	354.210.000.000
Cộng	**100%**	**592.468.000.000**	**592.468.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Năm 2021**	**Năm 2020**
Vốn góp của chủ sở hữu	**524.267.230.000**	**524.267.230.000**
Vốn góp đầu năm	*524.267.230.000*	*428.292.770.000*
Vốn góp tăng trong năm	-	*95.974.460.000*
Vốn góp cuối năm	*524.267.230.000*	*524.267.230.000*

d. Cổ phiếu	**31/12/2021**	**01/01/2021**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	52.426.723	52.426.723
Cổ phiếu phổ thông	*52.426.723*	*52.426.723*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	52.426.723
Cổ phiếu phổ thông	*52.426.723*	*52.426.723*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.600.727.273	25.694.359.091
Doanh thu bán hàng hóa	88.249.436.531	-
Cộng	**114.850.163.804**	**25.694.359.091**
Doanh thu đối với các bên liên quan		
(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	**88.249.436.531**	**-**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.305.087.181	12.897.166.377
Giá vốn bán hàng hóa	72.729.565.391	-
Dự phòng sửa chữa	1.340.000.000	-
Cộng	**85.374.652.572**	**12.897.166.377**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	762.288	646.785
Cộng	**762.288**	**646.785**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền vay	102.915.149.222	108.136.744.849
Cộng	**102.915.149.222**	**108.136.744.849**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên	266.894.502	341.284.809
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	6.581.984.844	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.451.817	702.901.061
Chi phí bằng tiền khác	-	47.119.597
Cộng	**7.482.331.163**	**1.094.305.467**

6. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản khác	185.553.045	-
Cộng	**185.553.045**	**-**

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	1.657.546.316	2.222.927.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.574.435.367	8.376.015.064
Chi phí trích lập dự phòng phải thu	7.921.984.844	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.451.817	705.675.148
Chi phí khác bằng tiền	1.391.032.056	2.686.854.510
Cộng	**20.175.450.400**	**13.991.471.844**

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(81.106.759.910)**	**(96.433.210.817)**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	**-**	**-**
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**(81.106.759.910)**	**(96.433.210.817)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.426.723	48.532.122
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(1.547)**	**(1.987)**

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(81.106.759.910)	(96.433.210.817)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	**(81.106.759.910)**	**(96.433.210.817)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.426.723	48.532.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	**52.426.723**	**48.532.122**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(1.547)**	**(1.987)**

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

10.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Các khoản vay và nợ	75.838.073.246	958.423.874.413	-	**1.034.261.947.659**
Phải trả người bán	72.170.928.587	-	-	**72.170.928.587**
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	90.101.716.309	-	-	**90.101.716.309**
Cộng	**238.110.718.142**	**958.423.874.413**	**-**	**1.196.534.592.555**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các khoản vay và nợ	42.416.000.000	986.423.874.413	-	**1.028.839.874.413**
Phải trả người bán	15.983.844.458	-	-	**15.983.844.458**
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	21.965.457.771	-	-	**21.965.457.771**
Cộng	**80.365.302.229**	**986.423.874.413**	**-**	**1.066.789.176.642**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		31/12/2020			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	31/12/2021	31/12/2020
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	78.499.380.185	-	-	-	78.499.380.185	-
- Phải thu khác	3.169.893.164	(3.169.893.164)	3.169.893.164	-	-	3.169.893.164
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.105.246.192	-	3.684.139.473	-	1.105.246.192	3.684.139.473
TỔNG CỘNG	**82.774.519.541**	**(3.169.893.164)**	**6.854.032.637**	-	**79.604.626.377**	**6.854.032.637**
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	1.034.261.947.659	-	1.028.839.874.413	-	1.034.261.947.659	1.028.839.874.413
- Phải trả người bán	72.170.928.587	-	15.983.844.458	-	72.170.928.587	15.983.844.458
- Chi phí phải trả	90.101.716.309	-	21.965.452.057	-	90.101.716.309	21.965.452.057
- Phải trả khác	-	-	5.714	-	-	5.714
TỔNG CỘNG	**1.196.534.592.555**	-	**1.066.789.176.642**	-	**1.196.534.592.555**	**1.066.789.176.642**

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		**88.249.436.531**	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	88.249.436.531	-
Vay và thuê nợ tài chính		**41.266.505.000**	**77.316.000.000**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	41.266.505.000	70.316.000.000
Ông Ngô Tiến Cương	Thành viên HĐQT	-	7.000.000.000
Trả gốc vay		**25.844.431.754**	**94.738.000.000**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	25.844.431.754	94.738.000.000
Ông Ngô Tiến Cương	Thành viên HĐQT	-	7.000.000.000

Số dư cuối năm

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng		**78.499.380.185**	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	78.499.380.185	-
Phải trả người bán		**179.289.727**	**744.307.604**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	179.289.727	744.307.604
Phải thu khác		**2.642.445.621**	**2.642.445.621**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	2.642.445.621	2.642.445.621
Vay và nợ thuê tài chính		**37.838.073.246**	**22.416.000.000**
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Cổ đông lớn	37.838.073.246	22.416.000.000

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2020 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tính đến thời điểm 31/12/2021, khoản lỗ lũy kế thể hiện trên Báo cáo tài chính là 274.257.530.795 đồng (lũy kế đến 31/12/2020 là 193.150.770.885 đồng). Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2021 là 180.168.690.494 đồng, tổng nợ phải trả là 1.212.617.200.949 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 248.793.326.536 đồng. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2021 chỉ đạt 13,25% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 90,63 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/01/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Thị Minh Đức	Nguyễn Thị Minh Đức	Ngô Tiến Cương